

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST

Ngày 12-6-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Ông Đỗ Thanh Đình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 04-01-2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-DS ngày 26-4-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là S)

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng Giám đốc).

- Ông Nguyễn Quang T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3966/2018/GUQ-PL ngày 10-12-2018).

- Ông Nguyễn Quang T ủy quyền lại cho:

+ Bà Nguyễn Thị T; chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S— Chi nhánh Q (Văn bản ủy quyền số 255/2018/GUQ-CNQNI ngày 29-12-2018).

+ Ông Phạm Quốc D; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S— Chi nhánh Q (Văn bản ủy quyền số 79/2019/GUQ-QNI ngày 09-5-2019). Có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Đội 2, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30-11-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24-4-2017, S - Chi nhánh Q cho ông Bùi Văn T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01142-00095, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay là 1,35%/tháng; nợ gốc và lãi trả hàng ngày, tiền gốc mỗi kỳ là 161.400 đồng, kỳ cuối là 151.400 đồng.

Trong quá trình trả nợ vay ông Bùi Văn T trả được 310 kỳ với số tiền gốc là 43.187.000 đồng và 6.995.000 đồng lãi trong hạn, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký với S- Chi nhánh Q nên toàn bộ nợ vay của ông T đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 12-6-2019, ông T còn nợ S tổng số tiền 9.080.172 đồng, trong đó nợ gốc là 6.813.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.107.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.160.172 đồng.

Nay S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T trả cho S số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13-6-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

** Bị đơn ông Bùi Văn T không có văn bản trình bày ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của S và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số 01142-00095 và Giấy lĩnh tiền cùng ngày 24-4-2017 thể hiện ông Bùi Văn T có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay là 1,35%/tháng; nợ gốc và lãi trả hàng ngày, tiền gốc mỗi kỳ là 161.400 đồng, kỳ cuối là 151.400 đồng.

Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do S cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn ông Bùi Văn T chỉ thanh toán được 310 ngày với số tiền là 43.187.000 đồng tiền gốc và 6.995.000 đồng lãi trong hạn, kể từ ngày 31-3-2018 ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký với S, chi nhánh Q nên toàn bộ khoản vay của ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, có cơ sở xác định ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với S nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho S tổng số tiền tính đến ngày 12-6-2019 là 9.080.172 đồng, trong đó nợ gốc là 6.813.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.107.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.160.172 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 13-6-2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S nên ông T phải chịu 454.000 đồng (9.080.172 đồng x5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Bùi Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 9.080.172đ (Chín triệu, không trăm tám mươi nghìn, một trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 6.813.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.107.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.160.172 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Q.

3. Về án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu 454.000đ (Bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2018/0000310 ngày 02-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa